

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2026/HS - ST
Ngày 25/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Vỹ;

Ông Dương Văn Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lập Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số 350/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 346/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị N, sinh năm 2003 tại Hà Nội; Căn cước công dân số 001303037965; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đình T và bà: Khương Thị N1; Chồng: Lương Mạnh T1 (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2021; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/9/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Hoàng T2, sinh năm 2006 tại Hà Nội; Căn cước công dân số 026206002859; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn T3 và bà: Đào Thị Y; Vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/9/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Phương A, sinh năm 2004 tại Hà Nội; Căn cước công dân số 001304034176; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số G, đường N, tổ E, xã S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Quang S và bà:

Ngô Thị Thu P; chồng: Không; con: Có 01 con sinh năm 2023; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/4/2026 đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Xuân D, sinh ngày 28/01/2007 tại Hà Nội; Căn cước công dân số 038207036970; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân S1 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/9/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

5. Bùi Khánh H, sinh năm 2004 tại Hà Nội; Căn cước công dân số 017204004152; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm L, xã L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn H1 và bà: Bùi Thị Hải H2; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/9/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Khánh H: Ông Nguyễn Văn T4 – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội – Chi nhánh S4 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18h10' ngày 07/9/2025, Công an xã S, thành phố Hà Nội, làm nhiệm vụ kiểm tra hành chính tại nhà trọ của bà Phạm Thị Hồng H3 - sinh năm: 1978, trú tại: thôn P, xã S, Hà Nội, đã phát hiện tại phòng trọ số 01 có Nguyễn Thị N - sinh năm 2003, trú tại: thôn C, xã S, Hà Nội và Phan Hoàng T2 - sinh năm 2006, trú tại: thôn C, xã T, tỉnh Phú Thọ, 01 đĩa sứ, 01 thẻ cứng là căn cước công dân của Nguyễn Thị N, 01 vỏ túi nilong kích thước khoảng 2x2cm đều dính tinh thể màu trắng. N khai nhận cùng với T2, Nguyễn Xuân D - sinh năm 2007, trú tại: thôn H, xã Q, tỉnh Thanh Hóa, Bùi Khánh H - sinh năm: 2004, trú tại: xóm L, xã L, tỉnh Phú Thọ và Phạm Phương A - sinh năm: 2004; trú tại: Số G, đường N, tổ E, xã S, Hà Nội sử dụng ma túy vào rạng sáng ngày 07/9/2025. Tổ công tác đã tiến hành niêm phong, tạm giữ đồ vật và đưa các đối tượng liên quan về trụ sở làm việc.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 01h00' ngày 07/9/2025, Nguyễn Thị N, Phan Hoàng T2, Bùi Khánh H, Phạm Phương A, Nguyễn Xuân D và Nguyễn Hoàng L1 (sinh năm: 2007, trú tại: thôn T, xã S, Hà Nội cùng nhau đi đến quán L3 tại khu đô thị S, xã S, Hà Nội để ăn mừng sinh nhật của H. Trong lúc ăn, L1 đứng dậy đi đến bàn khác mời rượu thì N, T2, H, D và Phương A cùng bàn bạc và thống nhất mỗi người góp khoảng 400.000 đồng để mua ma túy “ke” về cùng nhau sử

dụng. N đồng ý ứng trước tiền để mua ma túy, còn T2, H, D và Phương A sẽ trả tiền cho N sau. Sau đó, N sử dụng tài khoản zalo của N tên “Nguyễn Thị N” (đăng ký bằng số điện thoại 0961758420) đặt mua 02 chỉ ma túy “ke” và 01 viên ma túy “keo” (thuốc lắc) và hẹn đem đến quán L3. Đến khoảng 05h00’ cùng ngày N nhận được 01 túi nilong chứa 01 chỉ ma túy “ke” và 01 viên ma túy “keo” được bọc trong cuộn giấy vệ sinh từ 01 nam giới (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) trên tuyến đường Q thuộc khu vực khu đô thị S, nhưng N chưa thanh toán tiền, còn 01 chỉ ma túy “ke” người nam giới hẹn sẽ giao sau. Sau đó, cả nhóm cùng đi về phòng trọ của N tại thôn P, xã S, Hà Nội. Tại đây, L1 say rượu nên đi ngủ. N đưa túi 01 nilong chứa ma túy cho Phương A, Phương A bẻ đôi viên ma túy “keo” rồi sử dụng một nửa bằng cách uống cùng nước lọc. Một nửa viên ma túy còn lại, Phương A đưa cho N, T2 để sử dụng. Sau đó, Phương A lấy đĩa sứ có sẵn tại phòng trọ đổ một phần ma túy “ke” ra đĩa và đưa cho T2 hơi nóng trên bếp ga, N quần tờ tiền 10.000đ thành ống và đưa thẻ căn cước công dân của mình cho Phương A để “xào ke”. Sau đó, lần lượt Phương A, N, T2, H và D sử dụng hết ma túy trên đĩa. Phương A tiếp tục đổ phần ma túy còn lại trong túi nilon vào đĩa, T2 “xào ke” rồi Phương A, N, T2, H và D lần lượt sử dụng ma túy. Khi cả nhóm sử dụng hết ma túy, N liên lạc để lấy tiếp 01 chỉ ma túy “ke”. Một lúc sau, N một mình ra đường trước nhà trọ nhận một gói giấy vệ sinh màu trắng bên trong chứa một túi nilon chứa 01 chỉ ma túy “ke” từ người nam giới (không rõ tên, tuổi, địa chỉ). N đem vào phòng rồi cùng Phương A, T2, H tiếp tục sử dụng. N thông báo tổng số tiền mua ma túy là 4.900.000đ, mỗi người góp 980.000đ. Sau đó, Phương A, H, D, L1 đi về, N và T2 ngủ tại phòng trọ. Đến khoảng 18h10’ cùng ngày thì bị Công an xã S kiểm tra và thu giữ như trên.

Tại Kết luận giám định số 5889A/KL-KTHS ngày 16/9/2025 của Phòng K - Công an T. Kết luận: 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 20cm, 01 thẻ CCCD mang tên Nguyễn Thị N; 01 túi nilong kích thước 2x2cm đều có dính ma túy loại “Ketamine”.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thị N không phát hiện thu giữ gì.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể ngày 07/9/2025 của Nguyễn Thị N, Phan Hoàng T2, Bùi Khánh H, Nguyễn Xuân D, xác định: Dương tính với chất ma túy (Ketamin); Nguyễn Hoàng L1 xác định: Âm tính với chất ma túy.

Ngày 12/9/2025, Phạm Phương A đến Công an xã S làm việc, tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể xác định: Âm tính. *Tại Kết luận giám định số 6026/KL-KTHS ngày 16/9/2025 của Phòng K - Công an thành phố H, kết luận:* Phạm Phương A âm tính với chất ma túy.

Tại Cơ quan CSĐT – Công an thành phố H, các bị cáo Nguyễn Thị N, Phan Hoàng T2, Bùi Khánh H, Nguyễn Xuân D, Phạm Phương A đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

*** Vật chứng vụ án:** Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 20cm; 01 thẻ cứng (thẻ CCCD mang tên Nguyễn Thị N); 01 vỏ túi nilong kích

thước 2x2cm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax (đã qua sử dụng) của Nguyễn Thị N. Toàn bộ số vật chứng tạm giữ trên được chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 – TP . để xử lý theo quy định pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 216/CT-VKS ngày 20/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hà Nội truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân D, Phan Hoàng T2, Phạm Phương A, Bùi Khánh H, Nguyễn Thị N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố; các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội giữ quyền công tố sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh như Cáo trạng đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị N từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 08/9/2025.

Xử phạt: Phan Hoàng T2 từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 08/9/2025.

Xử phạt: Phạm Phương A từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 09/4/2026.

Xử phạt: Bùi Khánh H từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 08/9/2025.

Xử phạt: Nguyễn Xuân D từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 08/9/2025.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 20cm; 01 vỏ túi nilong kích thước 2x2cm; Trả lại cho Nguyễn Thị N2 ; 01 thẻ CCCD; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax (đã qua sử dụng) của Nguyễn Thị N.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Khánh H – Ông Nguyễn Văn T4 trình bày: Ông nhất trí với tội danh do Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo H là người đồng bào dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế để cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo mức thấp nhất của khung hình phạt. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử miễn tiền án phí đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; Kết luận giám định; Biên bản phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ tài liệu, đồ vật và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 05h30' ngày 07/9/2025, tại thôn P, xã S, Hà Nội, Nguyễn Thị N, Phan Hoàng T2, Phạm Phương A, Bùi Khánh H và Nguyễn Xuân D đã có hành vi bàn bạc, góp chung tiền mua chất ma túy loại “Ketamine” rồi chuẩn bị địa điểm, công cụ và cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ của Nguyễn Thị N thì bị tổ công tác Công an xã S, Hà Nội kiểm tra hành chính phát hiện.

Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung “Đối với 02 người trở lên”. Điều luật quy định:

Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...;

b) Đối với 02 người trở lên;

...;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3] Xét tính chất của vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, làm mất trật tự trị an trên địa bàn. Chất ma túy có tính chất kích thích thần kinh, có tác hại rất lớn đến sức khỏe của con người, là nguyên nhân gây ra các tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ ma túy có tác hại xấu đến sức khỏe con người và pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi liên quan đến ma túy nhưng vẫn cố ý phạm tội. Đặc biệt trong thời gian gần đây các loại tội phạm liên quan đến ma túy ngày càng gia tăng. Do đó, cần phải áp

dụng một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Thị N là người trực tiếp trao đổi, giao dịch mua ma túy với đối tượng bán ma túy và sử dụng chỗ ở của mình để cho các bị cáo khác sử dụng ma túy nên bị cáo có vai trò cao nhất. Các bị cáo còn lại có vai trò ngang nhau.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Do đó, thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản, hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với tang vật của vụ án là vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax thu giữ của Nguyễn Thị Ngọc L2 phương tiện dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước. Đối với 01 thẻ căn cước công dân của N cần trả lại cho bị cáo.

Đối với bà Phạm Thị Hồng H3 là chủ phòng trọ số A, nơi làm địa điểm các bị can có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Tại thời điểm xảy ra, bà H3 không biết và không liên quan đến việc các đối tượng sử dụng ma túy, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Nguyễn Hoàng L1, quá trình điều tra xác định L1 có mặt tại nơi các bị cáo sử dụng ma túy nhưng khi các bị cáo sử dụng ma túy thì L1 đi ngủ, không biết các bị cáo sử dụng ma túy, không tham gia vào việc tổ chức sử dụng ma túy nên cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định.

Đối với Hoàng Thị Phương D1, quá trình điều tra xác định chị D1 có cho N số điện thoại của anh Nguyễn Văn S2 để N gọi taxi của anh S2 khi cần. Việc N có mua ma túy của anh S2 hay không D1 không biết, D1 không bán ma túy và không biết sự việc mua bán ma túy của N vào ngày 07/9/2025. Do đó không đủ căn cứ để xử lý đối với Hoàng Thị Phương D1.

Đối với đối tượng nam giới đã bán và giao ma túy cho N ngày 07/9/2025. Tại lời khai ban đầu N khai mua của Nguyễn Văn S2 thông qua tài khoản Zalo “Lục Bình Trôi” (đăng ký số điện thoại 0866561123). Quá trình điều tra xác định tại khoản zalo đó là của anh Nguyễn Văn S2 - sinh năm: 1983, trú tại: Xóm C, thôn E, xã T, thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng S2 không thừa nhận bán ma túy cho N. Tòa án cũng đã tiến hành trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung 02 lần để xem xét, làm rõ hành vi bán ma túy của Nguyễn Văn S2. Tuy nhiên,

toàn bộ quá trình điều tra anh S2 khai nhận: Anh S2 không bán ma túy cho N, anh S2 có quen biết với Nguyễn Thị N do anh S2 làm nghề lái xe taxi hãng 123 và thường đỗ xe ở khu vực Quán Q nơi N làm việc để đón khách. Tình thoảng N gọi anh S2 chở đi taxi và nhờ anh S2 mua đồ ăn mang vào quán. Nội dung tin nhắn Zalo giữa N và anh S2 là N nhờ anh S2 mua hộ kẹo S3 và anh S2 bảo N thanh toán số tiền 4.900.000 đồng là số tiền cộng các lần anh S2 chở N đi và mua đồ ăn cho N mà N còn nợ cho anh S2. Quá trình phúc cung, cũng như tại phiên tòa N khai không nhận dạng được người bán ma túy cho N là ai, không nhớ số BKS xe ô tô của người bán ma túy. N nhận dạng ra anh S2 là do Cơ quan điều tra cho N xem ảnh của anh S2 nên nhận ra anh S2 là chủ của tài khoản zalo "Lục Bình Trôi". N không khẳng định được người bán ma túy có phải là anh S2 hay không. Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành rà soát camera xung quanh khu vực N mua ma túy nhưng do thời gian đã lâu nên không thu giữ được dữ liệu. Ngoài lời khai của N thì không có tài liệu nào khác chứng minh anh Nguyễn Văn S2 bán ma túy cho N nên không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Văn S2. Hội đồng xét xử kiến nghị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 tiếp tục phối hợp với cơ quan Cảnh sát điều tra đấu tranh, làm rõ xử lý đối với Nguyễn Văn S2 khi có đủ căn cứ.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Phan Hoàng T2, Phạm Phương A, Nguyễn Xuân D, Bùi Khánh H phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

2. Về điều khoản áp dụng và hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị N 07 (bảy) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 08/9/2025.

Xử phạt: Phan Hoàng T2 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 08/9/2025.

Xử phạt: Phạm Phương A 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 09/4/2026.

Xử phạt: Bùi Khánh H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 08/9/2025.

Xử phạt: Nguyễn Xuân D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 08/9/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sứ màu trắng đường kính 20cm; 01 vỏ túi nilong kích thước 2x2cm; Trả lại cho Nguyễn Thị N2 ; 01 thẻ CCCD; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax (đã qua sử dụng) của Nguyễn Thị N.

(Tình trạng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/01/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H với Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7 – Hà Nội).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị N, Phan Hoàng T2, Phạm Phương A, Nguyễn Xuân D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Miễn tiền án phí cho bị cáo Bùi Khánh H.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 7, Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, Hà Nội;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tùng

